Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3206.50.90

Mã HS	3206.50.90
Mô tả hàng hóa	Chất màu khác; các chế phẩm như đã ghi trong Chú giải 3 của Chương này, trừ các loại thuộc nhóm 32.03, 32.04 hoặc 32.05; các sản phẩm vô cơ được dùng như chất phát quang, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học / - Các sản phẩm vô cơ được dùng như chất phát quang: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 13:23:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/32065090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4841
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4841
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4841
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4728
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4689
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4689
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4689
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4689
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4689
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4689
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4727
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4727
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4727
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4727

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4727
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4727
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4731
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4731
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4731
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4731
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4731
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4731
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4731
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4695
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4691
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4691
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4691
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4691
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4691
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4691
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4691
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4691
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4691
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4691
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4691
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4691
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4738
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4738
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4738
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4738

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4738
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4738
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4735
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4735
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4735
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4735
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4735
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4735
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4743
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4743
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4743
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4743
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4743
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4743
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4714
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4714
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4714
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4714
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4714
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4714
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4716
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4716
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4716
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4716
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4716
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4716

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4714
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4714
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4714
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4714
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4714
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4714
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4714
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4735
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4735
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4735
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4735
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4735
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4735
RCEP B	2022	2022	0	B!D4735
RCEP B	2023	2023	0	B!E4735
RCEP B	2024	2024	0	B!F4735
RCEP B	2025	2025	0	B!G4735
RCEP B	2026	2026	0	B!H4735
RCEP B	2027	2027	0	B!I4735
RCEP C	2022	2022	0	C!D4735
RCEP C	2023	2023	0	C!E4735
RCEP C	2024	2024	0	C!F4735
RCEP C	2025	2025	0	C!G4735
RCEP C	2026	2026	0	C!H4735
RCEP C	2027	2027	0	C!I4735
RCEP D	2022	2022	0	D!D4735

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4735
RCEP D	2024	2024	0	D!F4735
RCEP D	2025	2025	0	D!G4735
RCEP D	2026	2026	0	D!H4735
RCEP D	2027	2027	0	D!I4735
RCEP E	2022	2022	0	E!D4738
RCEP E	2023	2023	0	E!E4738
RCEP E	2024	2024	0	E!F4738
RCEP E	2025	2025	0	E!G4738
RCEP E	2026	2026	0	E!H4738
RCEP E	2027	2027	0	E!I4738
RCEP F	2022	2022	0	F!D4735
RCEP F	2023	2023	0	F!E4735
RCEP F	2024	2024	0	F!F4735
RCEP F	2025	2025	0	F!G4735
RCEP F	2026	2026	0	F!H4735
RCEP F	2027	2027	0	F!I4735
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4366
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4366
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4366
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4366

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3206.50 có 2 dòng thuế; dòng 3206.50.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3206.50.10 Các chế phẩm	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3206.50.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3206.50.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4841), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.